

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2025/HS-ST.

Ngày: 26-9-2025.

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Minh Trí.

2. Ông Lâm Ngọc Trao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị T Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HS ngày 12/9/2025 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Anh T (tên gọi khác: T Chuối). Giới tính: Nam.

Sinh năm 1990. Tại Đồng Nai.

Số CCCD: XXXXXXXXX579, cấp ngày 18/5/2023 tại Cục CSQLHC về TTXH.

Nghề nghiệp: không.

Nơi thường trú: Ấp 6, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L1, tỉnh Đồng Nai).

Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: (không rõ họ tên); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em và chưa có vợ, con.

- Tiền án:

+ Ngày 24/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo bản án số 233/2009/HSST.

+ Ngày 18/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo bản án số 55/2011/HSST.

+ Ngày 26/7/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B1 tuyên xử 02 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, theo bản án số 38/2012/HSST, tổng hợp với hình phạt với bản án số 55/2011/HSST ngày 18/5/2011 buộc chấp hành hình phạt chung 02 bản án là 05 năm 07 tháng 20 ngày tù.

+ Ngày 09/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 113/2019/HSST.

+ Ngày 23/9/2022, bị Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 175/2022/HSST, chấp hành xong ngày 24/4/2023.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/10/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai.

2/ Nguyễn T D (tên gọi khác: D già). Giới tính: Nam.

Sinh năm 1993. Tại Đồng Nai.

Số CCCD: XXXXXXXXXX810, cấp ngày 20/8/2022 tại Cục CSQLHC về TTXH.

Nghề nghiệp: không.

Nơi thường trú: Ấp 6, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L1, tỉnh Đồng Nai).

Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1958 và bà Ngô Thị N, sinh năm 1971; Bị cáo là con út trong gia đình có 03 anh chị em và có vợ tên Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1991, có 03 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2023).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/10/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực N1.

3/ Bùi Minh G (tên gọi khác: không có). Giới tính: Nam.

Sinh năm 1989. Tại Đắk Lắk.

Số CCCD: XXXXXXXXXX496, cấp ngày 16/11/2022 tại Cục CSQLHC về TTXH.

Nghề nghiệp: buôn bán.

Nơi thường trú: Xã A, huyện T3, tỉnh P (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk). Chỗ ở hiện nay: 303, Lý Thái Tổ, ấp B2, xã N1, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn M, sinh năm 1965 và bà Phan Thị C, sinh năm 1968 (chết); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em. Bị cáo có vợ tên Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1985 và có 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022).

Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 31/01/2006, phạm tội trộm cắp tài sản, đến ngày 22/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Phú Yên tuyên xử 01 năm tù theo Bản án số 20/2007/HSST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh.

* *Bị hại:*

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Ấp 3, xã P1, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Lê Công H2, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P1, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo có mặt, các bị hại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh T và Nguyễn Thanh D, do không có nghề nghiệp, không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định và cùng bàn bạc với nhau đi chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền. T và D đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào lúc 15 giờ ngày 04/10/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 52T3-6891 chở D đi đến khu vực vòng xoay đường 25C, thuộc khu công nghiệp 6, huyện N1 (nay là xã P1, tỉnh Đồng Nai) thì cả hai phát hiện chị Nguyễn Thị Mỹ H1 (sinh năm 2004, tạm trú tại ấp 3, xã L1, huyện N1, nay là ấp 3, xã P1) điều khiển xe mô tô biển số 60AN-089.61 trên tay cầm chiếc điện thoại Iphone 11 Pro. T liền điều khiển xe mô tô áp sát để D giật chiếc điện thoại trên của chị H1 rồi tăng ga bỏ chạy thoát. Chị H1 bị giật điện thoại nên la lớn “Cướp cướp” và chạy xe đuổi theo nhưng T và D đã chạy thoát. Sau đó, chị H1 đến Công an xã L1 (nay là Công an xã P1) trình báo sự việc. Công an xã P1 lập hồ sơ ban đầu chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra để điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 94/KLĐG-HĐĐG ngày 10/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N1, kết luận chiếc điện thoại Iphone 11 Pro có giá trị: 7.200.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Vào lúc 15 giờ ngày 06/10/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 52T3-6891 chở D đi trên các cung đường thuộc huyện N1, tỉnh Đồng Nai xem người nào có tài sản sơ hở thì chiếm đoạt. Khi đi đến khu vực vòng xoay đường 25C, thuộc khu công nghiệp 6, huyện N1 (nay là xã P1, tỉnh Đồng Nai) thì cả hai phát hiện chị Lê Công H2 (sinh năm 1999, đang tạm trú tại ấp 2, xã L1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai, nay là xã P1, tỉnh Đồng Nai) điều khiển xe mô tô biển số 23H1-236.20, trên túi quần bên trái của chị để chiếc điện thoại Iphone 11 Promax. T liền điều khiển xe mô tô áp sát để D dùng tay giật chiếc điện thoại của chị H2 rồi tăng ga bỏ chạy thoát. Chị H2 bị giật điện thoại nên la lớn “Cướp cướp” và chạy xe đuổi theo nhưng T và D đã chạy thoát. Sau khi chiếm đoạt được hai chiếc điện thoại trên thì T và D mang đến tiệm điện thoại Trường G tại ấp Bến Sắn, xã P2, huyện N1 (nay là xã N1) bán cho Bùi Minh G với giá 4.000.000 đồng. G kiểm tra thì 02 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro, Iphone 11 Promax bị khóa nguồn do nhiều lần nhập sai mật khẩu. G biết rõ D không phải là chủ sở hữu của hai chiếc điện thoại trên nhưng G vẫn mua hai chiếc điện thoại trên với giá 4.000.000 đồng. Sau khi mua, G đã bán chiếc điện thoại Iphone 11 Pro với giá 5.500.000 đồng vào ngày 07/10/2024. Còn chị H2 đến Công an xã L1 (cũ) trình báo sự việc. Công an xã lập hồ sơ ban đầu chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra để điều tra theo thẩm quyền. Đến 17 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện T đang ở ấp 6, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L1, tỉnh Đồng Nai) nên phối hợp Công an xã B (nay là Công an xã L1) tiến hành bắt giữ T.

Đến 19 giờ 30 phút ngày 07/10/2024, Nguyễn Thanh D đến Cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 95/KLĐG-HĐĐG ngày 09/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N1, kết luận chiếc điện thoại

Iphone 11 Promax có giá trị: 8.253.000 đồng (tám triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) chiếc mô tô biển kiểm soát 52T3-6891;
- 01 điện thoại di động hiệu 11 Promax (đã xử lý vật chứng trả cho chị Lê Công H2);
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S8;
- 01 quần short Jean màu xanh hiệu Bucbery, 01 áo thun ngắn tay màu xanh trơn không họa tiết, 01 nón lưỡi trai hiệu Polo màu trắng trơn trước có logo hình con ngựa có người ngồi trên; 01 nón bảo hiểm nửa đầu màu đen trước có chữ AXE, hai bên có chữ “Quan trọng là thần thái” và 01 đôi dép quai ngang màu xanh lá cây của Nguyễn Thanh D;
- 01 áo sơ mi dài tay màu đen hiệu VOSTRO, 01 quần Jean dài màu xám hiệu Jubbic, 01 nón bảo hiểm nửa đầu màu xanh đen có chữ 02 bên “OSAKAR ĐẠI PHÚ”, 01 đôi dép quai ngang màu nâu đất và 01 nón lưỡi trai màu đen phía trước có chữ “adidas” của Nguyễn Anh T.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với lời khai bị hại cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSKV2 ngày 29/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh D về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và bị cáo Bùi Minh G về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố. Và bổ sung cho bị cáo Bùi Minh G được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì đã nộp sớm tiền thu lợi bất chính và tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng các điều 38, 17, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T mức án từ 06 năm tù giam đến 06 năm 06 tháng tù giam, bị cáo D mức án từ 04 năm tù giam đến 05 năm tù giam, xử phạt bị cáo G 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đề nghị Tòa tuyên buộc Nguyễn Anh T và Nguyễn Thanh D bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ H1 theo quy định pháp luật.

- Đối với chị Lê Công H2 chiếc Iphone 11 Promax đã được thu hồi trả lại cho chị H2, chị H2 không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Toà án tuyên ghi nhận theo cáo trạng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng; các bị cáo không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, những người tham gia tố tụng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các bị hại H1, H2 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử, do sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì đã có lời khai đầy đủ tại giai đoạn điều tra. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tình tiết, vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về đặc điểm tài sản, thời gian và phương thức mà bị cáo chiếm đoạt, cụ thể:

Từ ngày 04/10/2024 đến ngày 06/10/2024, Nguyễn Anh T và Nguyễn Thanh D đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 02 lần, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào lúc 15 giờ ngày 04/10/2024, Nguyễn Anh T điều khiển xe mô tô biển số 52T3-6891 chở Nguyễn Thanh D đi đến khu vực vòng xoay đường 25C, thuộc khu công nghiệp 6, huyện N1 (nay là xã P1, tỉnh Đồng Nai) đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Mỹ H1 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro trị giá 7.200.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Vào lúc 15 giờ ngày 06/10/2024, Nguyễn Anh T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 52T3-6891 chở Nguyễn Thanh D đi đến khu vực vòng xoay đường 25C, thuộc khu công nghiệp 6, huyện N1 (nay là xã P1, tỉnh Đồng Nai) chiếm đoạt của chị Lê Công H2 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax trị giá 8.253.000 đồng (tám triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Sau đó, T chở D đem hai chiếc điện thoại trên đi bán cho Bùi Minh G. D nói G là điện thoại nhất được bán với giá 4.000.000 đồng, mặc dù G biết rõ D không phải là chủ sở hữu của hai chiếc điện thoại trên nhưng G vẫn mua hai chiếc điện thoại trên với giá 4.000.000 đồng. Sau khi mua, G đã bán chiếc điện thoại Iphone 11 Pro với giá 5.500.000 đồng vào ngày 07/10/2024. G biết rõ tài sản trên không thuộc sở hữu của D, nhưng do thấy D bán rẻ nên mua với giá 4.000.000 đồng (chỉ bằng ¼ giá trị) và khi bán lại sẽ thu được nhiều lợi nhuận cao nên G đã mua hai chiếc điện thoại trên.

Hành vi của các bị cáo điều khiển xe mô tô giật lấy tài sản của người khác một cách công khai rồi nhanh chóng tẩu thoát, dùng phương tiện xe mô tô giật tài sản của người điều khiển xe trên đường là nguy cơ gây ra tai nạn, ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe người bị hại, đây là tình tiết dùng thủ đoạn nguy hiểm và khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Riêng bị cáo T có nhân thân xấu, có nhiều tiền án, thêm vào đó là tình tiết tái phạm nguy hiểm (đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố

ý). Do đó, có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Anh T về tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh D về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Minh G không hứa hẹn trước, nhưng vì động cơ tư lợi nên đã tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi của bị cáo G đã tiếp tay cho người phạm tội gây ảnh hưởng xấu về trật tự xã hội, vì qua kiểm tra, G biết D không phải là chủ sở hữu của hai chiếc điện thoại trên, không có quyền định đoạt, bị cáo G phải nhận thức rằng: D nhất định phải tìm chủ sở hữu để giao trả hoặc giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền không được mua bán. Sau khi mua, G đã bán chiếc điện thoại Iphone 11 Pro với giá 5.500.000 đồng vào ngày 07/10/2024. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Minh G về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Trong vụ án này, các bị cáo T, D thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích mang đi bán để tiêu xài cá nhân, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, công khai. Bị cáo G vì động cơ tư lợi nên đã tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong sinh hoạt đời sống.

Trong vụ án này, bị cáo T có nhân thân xấu, có nhiều tiền án, có hai tình tiết định khung là dùng thủ đoạn nguy hiểm và tái phạm nguy hiểm (đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý). Cho thấy bị cáo rất coi thường pháp luật, lười lao động lại muốn hưởng thụ bằng hành vi phạm pháp của mình.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T, D phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51. Riêng bị cáo D có thêm tình tiết đầu thú, có nhân thân tốt (khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự), còn bị cáo G có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì tự nguyện sớm nộp tiền thu lợi bất chính và tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị cáo T, D gây ra (bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của vụ án) và không yêu cầu các bị cáo T, D phải bồi hoàn tiền trả thay nêu trên.

Xét đến đặc điểm nhân thân, thái độ cũng như khả năng cải tạo của từng bị cáo so với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra trong vụ án này nên cần phải cách ly các bị cáo T và D ra khỏi xã hội một thời gian. Riêng bị cáo G, vì hám lợi nên tiêu thụ tài sản bất hợp pháp, và thu lợi bất chính với số tiền không lớn (1.500.000 đồng) và có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (trong đó, có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51); bị cáo phạm

tội lần đầu, còn có hai con nhỏ đang tuổi ăn, tuổi học, nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền là phù hợp.

Các hình phạt nêu trên áp dụng cho mỗi bị cáo cũng đủ để các bị cáo nhận thức, cải tạo, giáo dục trở thành công dân lương thiện, có ích và giảm gánh nặng xã hội bên cạnh sự răn đe, phòng ngừa chung của chính sách pháp luật hình sự với một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cùng với sự thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật của Nhà nước.

[4] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần short Jean màu xanh hiệu Bucbery, 01 áo thun ngắn tay màu xanh trơn không họa tiết, 01 nón lưỡi trai hiệu Polo màu trắng trơn trước có logo hình con ngựa có người ngồi trên; 01 nón bảo hiểm nửa đầu màu đen trước có chữ AXE, hai bên có chữ “Quan trọng là thần thái” và 01 đôi dép quai ngang màu xanh lá cây của Nguyễn Thanh D và 01 áo sơ mi dài tay màu đen hiệu VOSTRO, 01 quần Jean dài màu xám hiệu Jubbic, 01 nón bảo hiểm nửa đầu màu xanh đen có chữ 02 bên “OSAKAR ĐẠI PHÚ”, 01 đôi dép quai ngang màu nâu đất và 01 nón lưỡi trai màu đen phía trước có chữ “adidas” của Nguyễn Anh T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Ghi nhận bị cáo Bùi Minh G đã giao nộp số tiền 5.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000472 ngày 15/9/2025 với nội dung: “Thu tiền khắc phục hậu quả hình sự thụ lý số 55/2025/HSST ngày 05/9/2025, trong đó có 1.500.000 đồng thu lợi bất chính do phạm tội mà có.

- Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S8 do chưa tìm được bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ chờ xác minh xử lý sau.

(Các vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 05/9/2025).

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Nguyễn Thị Mỹ H1 có yêu cầu bị cáo T, D bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa hai bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên nên ghi nhận. Nhưng do bị cáo G tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho hai bị cáo với số tiền 4.000.000 đồng, nên mỗi bị cáo T, D còn có trách nhiệm bồi thường cho bị hại H1 số tiền 500.000 đồng (ghi nhận bị cáo G đã giao nộp số tiền số tiền 5.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000472 ngày 15/9/2025 với nội dung: “Thu tiền khắc phục hậu quả hình sự thụ lý số 55/2025/HSST ngày 05/9/2025, trong đó có 4.000.000 đồng sẽ được bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ H1).

+ Bị hại Lê Công H2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo T, D, mỗi bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự với số tiền 500.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 52T3-6891 là phương tiện Nguyễn Anh T và Nguyễn Thanh D dùng làm phương tiện phạm tội hiện chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh xử lý sau.

Ngoài ra vào ngày 02/10/2024, Nguyễn Anh T và Nguyễn Thanh D đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung galaxy S8 của một người phụ nữ chưa rõ nhân thân rồi mang đến bán cho Bùi Minh G với giá 1.000.000 đồng, nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý bằng vụ án khác.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 17 và Điều 58 của Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Anh T** (tên gọi khác: T Chuối) phạm tội **“Cướp giật tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh T** (tên gọi khác: T Chuối) **06 năm 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/10/2024.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 38, 17 và Điều 58 của Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh D** (tên gọi khác: D Già) phạm tội **“Cướp giật tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh D** (tên gọi khác: D Già) **04 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/10/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 32, 35 của Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Bùi Minh G** phạm tội **“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”**.

Xử phạt bị cáo **Bùi Minh G 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng**.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần short Jean màu xanh hiệu Bucbery, 01 áo thun ngắn tay màu xanh trơn không họa tiết, 01 nón lưỡi trai hiệu Polo màu trắng trơn trước có logo hình con ngựa có người ngồi trên; 01 nón bảo hiểm nửa đầu màu đen trước có chữ AXE, hai bên có chữ “Quan trọng là thần thái” và 01 đôi dép quai ngang màu xanh lá cây của Nguyễn Thanh D và 01 áo sơ mi dài tay màu đen hiệu

VOSTRO, 01 quần Jean dài màu xám hiệu Jubbic, 01 nón bảo hiểm nửa đầu màu xanh đen có chữ 02 bên “OSAKAR ĐẠI PHÚ”, 01 đôi dép quai ngang màu nâu đất và 01 nón lưỡi trai màu đen phía trước có chữ “adidas” của Nguyễn Anh T.

Xác nhận bị cáo Bùi Minh G đã giao nộp số tiền 5.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000472 ngày 15/9/2025 với nội dung: “Thu tiền khắc phục hậu quả hình sự thụ lý số 55/2025/HSST ngày 05/9/2025, trong đó có 1.500.000 đồng thu lợi bất chính do phạm tội mà có.

- Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S8 do chưa tìm được bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ chờ xác minh xử lý sau.

(Các vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 05/9/2025).

- Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo G đã giao nộp số tiền số tiền 5.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000472 ngày 15/9/2025 với nội dung: “Thu tiền khắc phục hậu quả hình sự thụ lý số 55/2025/HSST ngày 05/9/2025, trong đó có 4.000.000 đồng sẽ được bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ H1.

Do đó, mỗi bị cáo Nguyễn Anh T và Nguyễn Thanh D còn có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 500.000 đồng.

+ Bị hại Lê Công H2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T (tên gọi khác: T Chuối), Nguyễn Thanh D (tên gọi khác: D Già) và Bùi Minh G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bị cáo T và bị cáo D, mỗi bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV2-Dồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên)

Nguyễn Thị Hương